



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NĂM 2024

Hà Nội, tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

A. TỔNG QUAN VỀ TRƯỜNG.....	
MỤC LỤC.....	2
1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp.....	4
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	4
4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của nhà trường năm 2024	2
5. Cơ sở vật chất, tài chính	7
B. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP.....	8
1. Đặt vấn đề.....	8
2. Tổng quan chung.....	9
2.1. Căn cứ tự đánh giá	9
2.2. Mục đích tự đánh giá	10
2.3. Yêu cầu tự đánh giá	10
2.4. Phương pháp tự đánh giá	10
2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá	11
1. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học nghề: Cắt gọt kim loại	23
1.1. Nội dung chương trình đào tạo	24
1.2. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp	25
1.3. Tổng hợp kết quả tự đánh giá	25
PHẦN III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	79
1. Kết luận:.....	79
2. Kiến nghị.....	79

CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Ký hiệu viết tắt
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Lao động - TB&XH
Cán bộ viên chức	CBVC
Công nhân viên chức	CNVC
Cán bộ - Công nhân viên	CB-CNV
Ban chấp hành	BCH
Ủy ban nhân dân	UBND
Cao đẳng	CĐ
Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội	CĐNCNHN
Công nghiệp hoá, hiện đại hoá	CNH, HDH
Dụng cụ lâu bền	DCLB
Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp	CSGDNN
Học sinh, sinh viên	HSSV
Minh chứng	MC
Nghị định – Chính phủ	NĐ- CP
Nghiên cứu khoa học	NCKH
Cao đẳng nghề	CĐN
Trung cấp nghề	TCN
Sơ cấp nghề	SCN
Công nghệ thông tin	CNTT
Vốn hỗ trợ phát triển không hoàn lại	ODA
Xã hội chủ nghĩa	XHCN
Đảm bảo chất lượng và Quản lý khoa học	ĐBCL&QLKH
Điện - Điện tử	Đ-ĐT
Trung cấp & Sư phạm dạy nghề	TC&SPDN
Môn học, mô đun	MH, MĐ
Phòng cháy chữa cháy	PCCC
Tiêu chuẩn Việt Nam	TCVN

A. TỔNG QUAN VỀ TRƯỜNG

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.1. Tên trường: Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội

1.2. Tên Tiếng Anh: Hanoi Industrial Vocational College (HNIVC)

1.3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

1.4. Địa chỉ trường:

Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh – Đống Đa – Hà Nội

Cơ sở 1: 131 Thái Thịnh – Đống Đa – Hà Nội

Cơ sở 2: Phường Trung Văn – Nam Từ Liêm – Hà Nội

Số điện thoại: (84-42) 38.532.033 – (84-42) 38.532.034

Số fax: (84-42) 38.533.523

Email: info@hinivc.edu.vn

Website: <http://www.hnivc.edu.vn>

1.5. Năm thành lập trường:

+ Năm thành lập đầu tiên: 22 tháng 11 năm 1974

+ Năm nâng cấp thành trường cao đẳng nghề: 29 tháng 12 năm 2006

1.6. Loại hình trường đào tạo: Công lập ✓ ; Tư thực

1.7. Người liên hệ:

Họ và tên: Bà Phạm Thị Hương

Chức vụ: Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0917.512.688

Email: phamthihuong0804@gmail.com

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

2. 1. Lịch sử phát triển:

Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội tiền thân là Trường Công nhân Cơ khí điện Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1363-QT/TC ngày 22/11/1974 và trải qua 5 lần sát nhập.

Từ khi thành lập đến nay. Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội đã có nhiều lần thay đổi cơ cấu tổ chức và đổi tên:

- Ngày 22/11/1974, Trường Đào tạo Công nhân Kỹ thuật Cơ khí – Điện Hà Nội trực thuộc Sở Lao động Hà Nội (nay là Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội) được thành lập theo quyết định số 1363/QĐ-UB ngày 22 tháng 11 năm 1974 của Ủy ban Hành chính Thành phố Hà Nội.

- Tháng 11/1988, Trường sáp nhập thêm Trường dạy nghề Công nghiệp số 2 và đổi tên thành trường Công nhân Kỹ thuật Công nghiệp Hà Nội;

- Tháng 9/1990, Trường nhận chuyển giao nhiệm vụ đào tạo kỹ thuật viên trung cấp từ Trường Trung học Kỹ thuật Công nghiệp và đổi tên thành Trường Kỹ thuật Công nghiệp Hà Nội;

- Tháng 3/1998, Trường đổi tên thành Trường Trung học Công nghiệp Hà Nội;

- Tháng 4/2003, Trường sáp nhập thêm Trường Thủ công Mỹ nghệ Hà Nội;

- Tháng 07/2012, Trường sáp nhập thêm Trường Trung cấp nghề Đồng hồ - Điện tử - Tin học Hà Nội.

Năm 2006 theo Quyết định số 1984/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 29/12/2006 của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trên cơ sở nâng cấp từ Trường Trung học Công nghiệp Hà Nội thành Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội.

Hiện nay, Nhà trường có 05 phòng chức năng:

- Phòng Tổ chức hành chính & Quản trị;

- Phòng Đào tạo & Quản lý học sinh sinh viên;

- Phòng Đảm bảo chất lượng & Quản lý khoa học;

- Phòng Kế hoạch - Tài chính;

- Phòng Cơ sở vật chất - Thiết bị và Dự án.

Và 07 khoa:

- Khoa Cơ khí;

- Khoa Công nghệ Ô tô;

- Khoa Điện – Điện tử;

- Khoa Công nghệ thông tin;

- Khoa Kinh tế & Du lịch;

- Khoa Ngoại ngữ và khoa học cơ bản;

- Khoa Chăm sóc sắc đẹp & Đào tạo thường xuyên.

02 trung tâm: Trung tâm Truyền thông, tuyển sinh & Hỗ trợ khởi nghiệp; Trung tâm Hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp trực thuộc trường.

Nhà trường hiện đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2024/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 10/10/2024 đào tạo 03 cấp trình độ gồm:

- Trình độ cao đẳng: 21 nghề;

- Trình độ trung cấp: 16 nghề;

- Trình độ sơ cấp: 02 nghề.

Nhà trường đã thành lập Hội đồng trường và các tổ chức đoàn thể như:

- Đảng ủy;

- Công đoàn;

- Đoàn thanh niên;

- Hội cựu chiến binh.

Nhà trường hiện có các nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực:

- Nghề trọng điểm Cấp độ quốc tế (06 nghề): Nghề Công nghệ Ô tô, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Nghề Cơ Điện tử, Nghề Điện Công nghiệp, nghề Quản trị mạng máy tính, nghề Hàn.

- Nghề trọng điểm Cấp độ Khu vực Asean (02 nghề): Nghề Điện tử công nghiệp, Cắt gọt kim loại.

Mục tiêu phấn đấu đến năm 2025 nhà trường phấn đấu:

* Trung tâm đào tạo nghề đạt trình độ các nước ASEAN-4, một số nghề đạt chuẩn quốc tế.

* Trường chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

Nhà trường còn hợp tác đào tạo với các doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các trường đại học trong nước. Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội còn hợp tác, kết nghĩa với một số cơ sở đào tạo ở các nước như Hàn Quốc, Nhật Bản, Anh Quốc, Phần Lan, Úc, Cộng hòa liên bang Đức, Trung Quốc

- Trường Cao đẳng kỹ thuật ô tô Toyota - Kobe

- Trường Đại học quốc tế JEJU, Hàn Quốc

- Trường Đại học quốc gia Kunsan, Hàn Quốc

- Trường Đại học Kyung Hee, Hàn Quốc

- Học viên ngôn ngữ Hàn Quốc

- Trường Đại học Quốc Gia Cần Ích, Đài Loan

- Học viện kỹ thuật chuyên nghiệp Nam Ninh, Trung Quốc

- Trường Đại học khoa học kỹ thuật Côn Sơn

- Tổ chức Plan International

- Tập đoàn giáo dục Avestos – CHLB Đức

Năm 2024 Công ty Honda đã tài trợ xe máy và động cơ điện cho nhà trường phục vụ công tác đào tạo của nhà trường.

Ngoài các tổ chức nói trên nhà trường còn có rất nhiều hoạt động hợp tác với các đối tác khác nhau từ nhiều quốc gia trên thế giới.

Tổ chức Hợp tác phát triển Đức (GIZ): chủ yếu là các hoạt động tập huấn, tư vấn hỗ trợ kỹ thuật nâng cao năng lực đào tạo nghề đặc biệt là trong ngành Cơ khí.

Nhà trường còn có rất nhiều hoạt động hợp tác với các đối tác khác nhau từ nhiều quốc gia trên thế giới.

Trong những năm qua, việc đẩy mạnh quan hệ hợp tác quốc tế của nhà trường đã thu được những kết quả tốt đẹp, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phát triển nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và trang thiết bị cho nhà trường. Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, nhà trường đã cử nhiều lượt cán bộ, giáo viên đi học tập, tham quan kinh nghiệm ở nước ngoài.

2.2. Thành tích nổi bật:

Trải qua 50 năm xây dựng và phát triển nhà trường không ngừng lớn mạnh. Về đội ngũ cán bộ, giáo viên không ngừng phát triển với 167 cán bộ, giáo viên trong đó có 02 tiến sỹ, 98 thạc sỹ, 51 đại học và 16 trình độ khác. Đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường có chuyên môn tốt, vững về kỹ năng nghề, có đủ năng lực sư phạm và kiến thức, phẩm chất đạo đức tốt, tận tâm, tận tụy với công việc. Đội ngũ nhà giáo của Nhà trường tham gia Hội giảng toàn quốc luôn đạt những giải cao. Năm 2012 nhà trường cử 3 nhà giáo tham gia Hội giảng có 01 nhà giáo đạt giải nhất, 02 nhà giáo đạt giải nhì; năm 2015 nhà trường cử 02 nhà giáo tham gia Hội giảng có 01 nhà giáo đạt giải nhất, 1 nhà giáo đạt giải nhì; năm 2018 nhà trường cử 03 nhà giáo tham gia Hội giảng có 03 nhà giáo đạt giải nhất; năm 2021 nhà trường cử 01 nhà giáo tham gia Hội giảng có 01 nhà giáo đạt giải nhất Quốc gia; năm 2023 nhà trường cử 04 nhà giáo tham gia Hội giảng có 04 nhà giáo đạt giải nhì Thành phố; năm 2024 nhà trường cử 01 giáo viên tham gia Hội giảng và đạt giải nhì Toàn quốc.

Về cơ sở vật chất, thiết bị Nhà trường liên tục đổi mới và phát triển về cơ sở vật chất, quy mô, ngành nghề nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, xứng đáng là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực có uy tín, chất lượng cao của Thủ đô Hà Nội.

Nhà trường đặc biệt quan tâm xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội trong và ngoài nước. Đến nay, Trường đã có quan hệ hợp tác chặt chẽ với gần 300 đơn vị để cùng nghiên cứu, chuyên giao công nghệ, sản xuất, hỗ trợ trang thiết bị, đào tạo giáo viên, tài trợ học bổng và đặc biệt là giải quyết việc làm cho sinh viên ra trường. Chính mối quan hệ này đã góp phần không nhỏ cho sự phát triển của Nhà trường.

Công tác Nghiên cứu khoa học của Nhà trường cũng đã đạt được nhiều thành tích đáng kể. Nhiều sáng kiến, đề tài NCKH có tính ứng dụng cao, phục vụ cho hoạt động của Nhà trường đã đưa vào nghiệm thu. Hàng trăm mô hình, thiết bị dạy học chất lượng cao đã được sản xuất và đưa vào đào tạo.

Ghi nhận những thành tích đã đạt được trong mọi mặt hoạt động của nhà trường, các tập thể và các cá nhân của Nhà trường vinh dự được Đảng, Nhà nước, Bộ, Ngành, UBND thành phố Hà Nội và các đoàn thể tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý:

- Huân chương lao động Hạng Ba của Chủ tịch nước năm 2007
- Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng Ba của Chủ tịch nước năm 2009
- Huân chương lao động Hạng Nhì của Chủ tịch nước năm 2012
- Huân chương lao động Hạng Nhất của Chủ tịch nước năm 2019
- Huân chương lao động Hạng Nhất của Chủ tịch nước lần 2 năm 2024
- Biểu tượng Vàng đào tạo nguồn nhân lực Việt Nam năm 2011
- Cờ thi đua Chính phủ tặng Đơn vị xuất sắc phong trào thi đua năm 2018, 2021
- Cờ thi đua Thành phố tặng Đơn vị xuất sắc phong trào thi đua các năm 2012, 2013, 2017, 2019, 2020, 2022
- Bằng khen Thủ tướng Chính phủ năm 2014
- Bằng khen Thành phố tặng Đơn vị hoàn thành xuất sắc năm 2014, 2015, 2016, 2023

- Bằng khen của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2014, 2016, 2018, 2020, 2021, 2022

- Bằng khen của BCH Đảng bộ Thành phố Hà Nội năm 2016

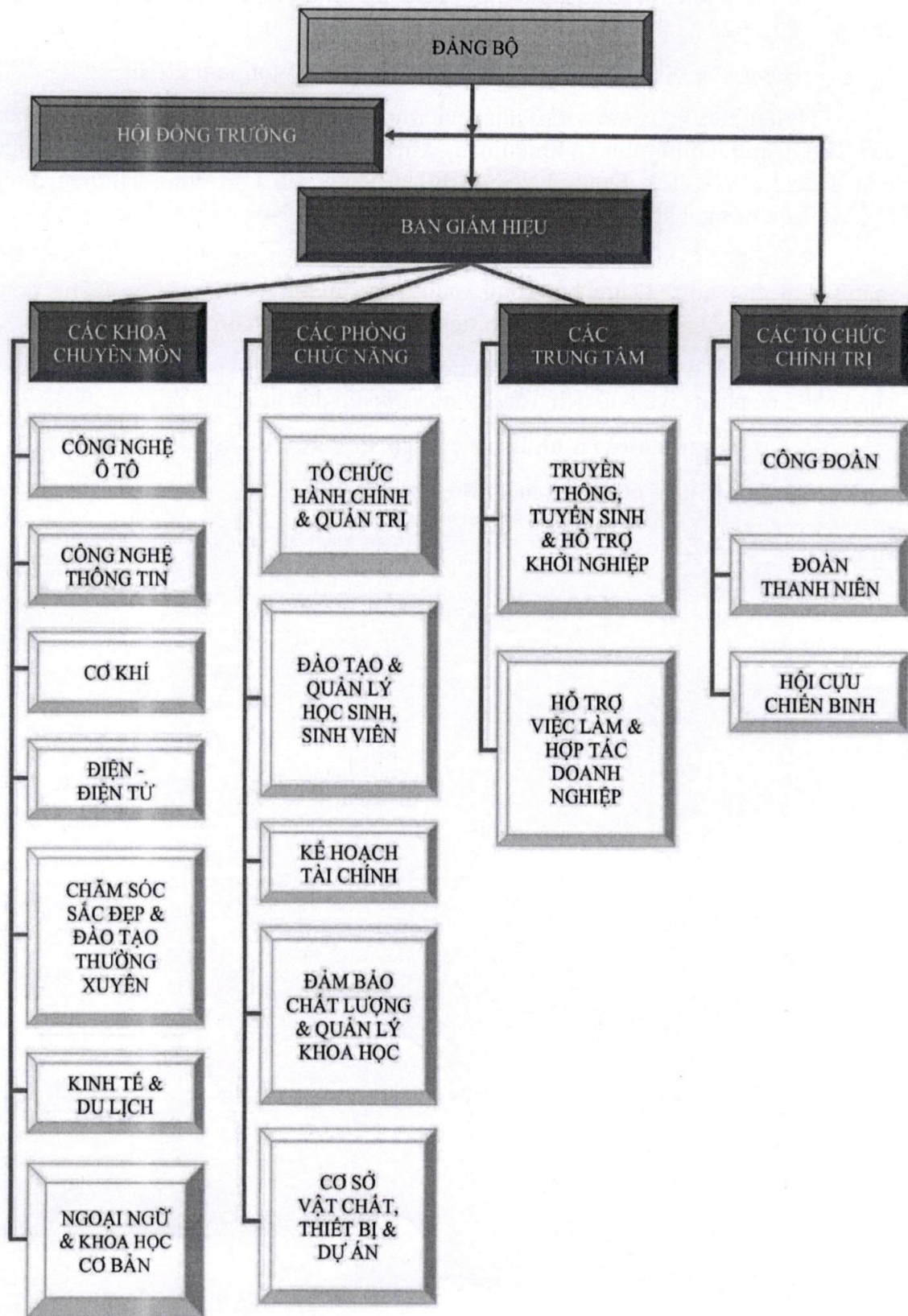
Nhiều cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường vinh dự được nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp Thành phố, Tổng liên đoàn LĐVN, TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội, Sở Nội vụ Hà Nội.

Đảng bộ, Công đoàn và Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh luôn đạt những thành tích cao như: Đảng bộ trong sạch vững mạnh và tiêu biểu, Công đoàn vững mạnh xuất sắc, Đoàn thanh niên tiên tiến xuất sắc nhiều năm liền.

Năm 2024 nhà trường được Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội khen tặng 05 tập thể, 03 cá nhân có thành tích trong phong trào thi đua năm học 2023 – 2024

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

3.1. Cơ cấu tổ chức (theo sơ đồ sau)



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám hiệu	Phạm Thị Hương	1972	Thạc sỹ	Hiệu trưởng
	Nguyễn Văn Huy	1972	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
	Trần Thanh Bình	1981	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn				
Đảng Bộ	Phạm Thị Hương	1972	Thạc sỹ	Bí thư
	Nguyễn Văn Huy	1972	Thạc sỹ	Phó Bí thư
Chi bộ 1	Trần Thanh Bình	1981	Thạc sỹ	Bí thư
Chi bộ 2	Trần Văn Việt	1981	Tiến sỹ	Bí thư
Chi bộ 3	Lê Ngọc Kính	1973	Thạc sỹ	Bí thư
Chi bộ 4	Phạm Văn Huy	1985	Thạc sỹ	Bí thư
Chi bộ 5	Dương Thành Hưng	1966	Thạc sỹ	Bí thư
Chi bộ 6	Tạ Xuân Tấn	1977	Thạc sỹ	Bí thư
Chi bộ 7	Trần Thị Bích Liên	1977	Thạc sỹ	Bí thư
Chi bộ 8	Đoàn Vũ Giang	1981	Thạc sỹ	Bí thư
Chi bộ 9	Dương Quang Hà	1971	Đại học	Bí thư
Chi bộ 10	Hoàng Đức Quân	1982	Thạc sỹ	Bí thư
Công Đoàn	Nguyễn Thị Kim Oanh	1976	Thạc sỹ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Lê Văn Úy	1987	Thạc sỹ	Bí thư
Hội Cựu chiến binh	Nguyễn Văn Lợi	1974	Trung cấp	Phó Chủ tịch
Nữ công	Trương Thị Ngọc Anh	1981	Thạc sỹ	Trưởng ban
3. Trưởng các phòng chức năng				
Phòng TCHC&QT	Trần Văn Việt	1981	Tiến sỹ	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo và QLHSSV	Lê Văn Hùng	1974	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng ĐBCL&QLKH	Lê Ngọc Kính	1973	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng KHTC	Vũ Thị Trang	1978	Thạc sỹ	Trưởng phòng, Kế toán trưởng
Phòng CSVCTB&DA	Dương Quang Hà	1971	Kỹ sư	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa				

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
Khoa Cơ khí	Dương Thành Hưng	1966	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Công nghệ ô tô	Phạm Văn Huy	1985	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Điện – Điện tử	Trần Thị Bích Liên	1977	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Công nghệ thông tin	Đoàn Vũ Giang	1981	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Chăm sóc sắc đẹp & ĐTTX	Khúc Thị Ngọc Hà	1979	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Ngoại ngữ & Khoa học cơ bản	Nguyễn Thị Minh Hạnh	1976	Thạc sỹ	Phó Trưởng khoa phụ trách
Khoa Kinh tế & Du lịch	Phạm Thị Thu Hằng	1973	Thạc sỹ	Phó Trưởng khoa
5. Trưởng Trung tâm trực thuộc (Trung tâm, Thư viện ...)				
Trung tâm Hỗ trợ việc làm & HTDN	Hoàng Đức Quân	1982	Thạc sỹ	Giám đốc
Trung tâm Truyền thông, Tuyển sinh & HTKN	Nguyễn Thị Thanh Xuân	1982	Thạc sỹ	Giám đốc

3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên của trường: (tính đến thời điểm tháng 12/2024)

1.3.1. Cán bộ, nhân viên trong trường: 167

1.3.2. Đội ngũ giáo viên:

- Giáo viên cơ hữu: 121 - Nam: 63 - Nữ: 58

TT	Giáo viên cơ hữu			
	Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
1	Tiến sĩ	01	01	02
2	Thạc sĩ	44	47	91
3	Đại học	18	09	27
4	Cao đẳng	0	01	01
Tổng số		63	58	121

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của nhà trường năm 2024

4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của nhà trường: Theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2024/GCNDKHKHĐ-TCGDNN ngày 10/10/2024 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

*** Kết quả tuyển sinh năm học 2024**

TT	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh	Kết quả tuyển sinh
1	Cao đẳng	1.580	1.423
2	Liên thông cao đẳng		93
3	Trung cấp 2 năm		70
4	Trung cấp 3 năm (THPT)		486
5	Sơ cấp		4
6	Thường xuyên dưới 3 tháng		2.210
TỔNG:			4.286

*** Số lượng cụ thể từng nghề theo danh mục được cấp phép:**

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH – KẾT QUẢ TUYỂN SINH 2024										
TT	Ngành /nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Trình độ			Chỉ tiêu theo đăng ký hoạt động	Tổng số lượng sinh viên	Trình độ		
			Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác			Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác
I Nhóm ngành, nghề Mỹ thuật ứng dụng										
1	Thiết kế đồ họa	6210402	105			105	162	79		
		5210402		40		40			83	
II Nhóm ngành, nghề Kế toán - Kiểm toán										
2	Kế toán doanh nghiệp	6340302	25			25	31	17		
		5340302		30		30			14	
III Nhóm ngành, nghề Máy tính										
3	Truyền thông và mạng máy tính	6480104	25			25	51			
		5480104		25		25			51	
IV Nhóm ngành, nghề Công nghệ thông tin										

4	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6480202	100			100	151	91		
		5480202		100		100			60	
5	Lập trình máy tính	6480207	25			25	0			
V	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí									
6	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	125			125	88	88		
		5510201		25		25				
7	Công nghệ ô tô	6510216	420			420	580	546		
		5510216		30		30			34	
8	Công nghệ Hàn	5510217		30		30	0			
VI	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông									
9	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	60			60	73	73		
10	Công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà	6510314	25			25	0			
		5510314		25		25				
VII	Nhóm ngành, nghề kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật									
11	Kỹ thuật lập trình,	6520197	25			25	35	35		

	gia công trên máy CNC									
12	Cắt gọt kim loại	6520121	20			20		11		
		5520121		20		20			1	
VIII Nhóm ngành, nghề kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông										
13	Cơ điện tử	6520263	75			75	87	40		
		5520263		25		25		47	40	
14	Điện công nghiệp	6520227	175			175	217	176		1
		5520227		20		20			40	
15	Điện tử công nghiệp	6520225	50			50				
16	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	75			75				3
		5520224		20		20		27		
17	Tự động hóa công nghiệp	6520264	50			50				
		5520264		25		25			24	
IX Nhóm ngành, nghề Du lịch										
18	Quản trị dịch vụ du	6810101	25			25				

	lịch và lữ hành									
19	Du lịch lữ hành	5810101		50		50			35	
X	Nhóm ngành, nghề Dịch vụ thẩm mỹ									
20	Chăm sóc sắc đẹp	6810404	25			25				
		5810404		25		25			69	
21	Kỹ thuật chăm sóc tóc	5810403		25		25			21	
XI	Nhóm ngành, nghề ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài									
22	Tiếng Trung Quốc	6220209	50			50				
23	Tiếng Hàn Quốc	6220211	50			50				
24	Tiếng Nhật	6220212	50			50				
XII	Nhóm nghề sơ cấp Dịch vụ thẩm mỹ									
25	Vẽ móng nghệ thuật					25	25			
26	Chăm sóc da					25	25			
TỔNG CỘNG			1580	515	50	2145	1919	1416	499	4

4.2. Số lượng học sinh, sinh viên năm 2024

TT	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh	Kết quả tuyển sinh
1	Cao đẳng	1.580	1.423
2	Liên thông cao đẳng		93
3	Trung cấp 2 năm		70

4	Trung cấp 3 năm (THPT)	486
5	Sơ cấp	4
6	Thường xuyên dưới 3 tháng	2.210
TỔNG:		4.286

5. Cơ sở vật chất, tài chính

5.1. Cơ sở vật chất

Cơ sở 1: 131 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội:

+ Tổng diện tích 22.688m². Trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 18.486m²

+ Diện tích cây xanh, lưu thông: 4.202m²

Cơ sở 2: Phùng Khoang, Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội

+ Tổng diện tích 1616,2 m²: (Chưa xây dựng)

* Các khu vực chức năng hiện có trên khu đất cơ sở 1

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m ²)	Đã xây dựng (m ²)	Đang xây dựng
1	Khu hiệu bộ	2.190	2.190	Không
2	Phòng học lý thuyết	2.592	2.592	
3	Xưởng thực hành	10.754	10.754	
4	Khu phục vụ			
4.1	Thư viện	120	120	
4.2	Ký túc xá	0	0	
4.3	Nhà ăn	120	120	
4.4	Trạm y tế	60	60	
4.5	Khu thể thao	500	500	
5	Công trình khác			
5.2	Hội trường 120 chỗ	250	250	
5.3	Hội trường 300 chỗ	600	600	
5.4	Kho vật tư	200	200	
5.5	Nhà để xe cán bộ	300	300	
5.6	Nhà để xe học sinh	800	800	

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m ²)	Đã xây dựng (m ²)	Đang xây dựng
5.7	Đường bộ + cây xanh	4.202		
	Tổng	22.688	18.486	

* Các khu vực chức năng hiện có trên khu đất cơ sở 2 (Chưa xây dựng)

5.2. Tài chính

Nội dung	Năm 2024
1. Nguồn thu	
<i>NSNN cấp</i>	
<i>Thu học phí</i>	
<i>ODA</i>	
<i>Nguồn khác</i>	
2. Tổng quyết toán	

B. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

I. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Đặt vấn đề

Chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một vấn đề được trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội hết sức quan tâm. Ngày nay xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế đang tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống, mang lại cả cơ hội và thách thức đối với không chỉ mỗi quốc gia mà ngay cả đối với mỗi cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đặc biệt cuộc cách mạng khoa học lần thứ 4 đã ảnh hưởng không nhỏ đến mỗi nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Trong đó, sự cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngày càng trở nên quyết liệt, gay gắt. Lợi thế cạnh tranh sẽ thuộc về cơ sở giáo dục nghề nghiệp nào có chất lượng đào tạo đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động trong giai đoạn hiện nay và tương lai.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động không thể thiếu được trong hoạt giáo dục nghề nghiệp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, điều này càng trở nên quan trọng khi Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế thì chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố cạnh tranh quan trọng nhất. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hàng năm cung cấp một tỷ lệ lớn cho nguồn nhân lực được đào tạo của quốc gia. Để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao thì cần phải có các yếu tố đầu vào và các điều kiện đảm bảo trong quá trình đào tạo như: Cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị thực hành, thực tập đáp ứng được nhu cầu dạy và học; nội dung chương trình, tài liệu giảng dạy phù hợp; đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và có trình độ chuyên môn cao.

Trong thời gian vừa qua, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã quan tâm đến chất lượng đào tạo, từ đó tổ chức xây dựng điều chỉnh chương trình giáo dục nghề nghiệp gắn liền với các yêu cầu của doanh nghiệp, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cơ sở vật chất - hạ tầng kỹ thuật của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cũng đã được tăng cường, đổi mới đáng kể. Đội ngũ cán bộ giảng viên, giáo viên được đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Chất lượng giáo dục nghề nghiệp đang là vấn đề thu hút được sự quan tâm của các nhà quản lý, các doanh nghiệp và toàn xã hội. Ý thức được vấn đề đó, Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội đã tiến hành thực hiện tự đánh giá chất lượng qua đó Nhà trường xây dựng kế hoạch và các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng mục tiêu giáo dục nghề nghiệp mà Nhà trường đã đề ra. Tự đánh giá chất lượng còn thể hiện được tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm, và mang lại những kết quả rõ rệt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp.

Vì vậy, để đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần phải tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp thống nhất theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ban hành.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Thông tư 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH ban hành Quy định về quy chế đánh giá cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp; quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Thông tư 27/2018/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH ban hành Quy định về Quy trình thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Căn cứ Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng.

- Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng theo Điều 15 của Thông tư số 28/2017/TT-LĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- + Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
- + Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
- + Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- + Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Mục đích tự đánh giá

- Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một khâu quan trọng nhằm mục đích chỉ ra các mặt mạnh, mặt tồn tại trong các hoạt động của Nhà trường, để từ đó xây dựng kế hoạch và các biện pháp cải tiến nhằm đáp ứng mục tiêu nghề nghiệp đã đề ra.

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường cao đẳng do Bộ LĐ-TB&XH ban hành, qua đó huy động tất cả các đơn vị và cá nhân trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để đánh giá mức độ đạt được của nhà trường dựa trên bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường cao đẳng.

- Tự đánh giá không những giúp nhà trường rà soát, tự xem xét thực trạng của Nhà trường để điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo mà còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội... theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp mục tiêu của Nhà trường.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đã đạt được của nhà trường, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu của Nhà trường.

- Nhà trường phấn đấu đến năm 2025 trở thành:

+ Trung tâm đào tạo nghề đạt trình độ các nước ASEAN-4, một số nghề đạt chuẩn quốc tế.

+ Trường chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc của Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ 4, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

- Tự đánh giá là một quá trình đòi hỏi nhiều công sức, thời gian, do đó phải có sự tham gia của nhiều đơn vị và cá nhân trong toàn trường.

- Đảm bảo khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự đánh giá.

- Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong nhà trường. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phải dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy, phù hợp với nội hàm từng tiêu chuẩn.

- Đảm bảo đầy đủ nội dung cần đánh giá, đúng thời gian theo kế hoạch.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

- Mô tả, làm rõ thực trạng nhà trường:

Căn cứ từng tiêu chuẩn của 9 tiêu chí trong bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng, từng

nhóm tự đánh giá thực hiện thu thập thông tin và các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo có đủ độ tin cậy, tính chính xác và phải phù hợp với từng tiêu chuẩn. Thông tin và minh chứng phải được chỉ rõ nguồn gốc đồng thời phải được lưu trữ và bảo quản cẩn thận, khoa học.

- Phân tích, giải thích, so sánh và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, yếu, từ đó đưa ra biện pháp khắc phục.

Các thông tin và minh chứng theo nội hàm của tiêu chí, tiêu chuẩn thu thập được phải xử lý để mô tả ngắn gọn nhất về các hoạt động của trường liên quan đến mỗi tiêu chuẩn. Qua phân tích, so sánh...để thấy được thực trạng hiện nay của Nhà trường và đưa ra những nhận định về các điểm mạnh, yếu, tìm ra nguyên nhân, xác định mức độ đạt được qua mỗi tiêu chuẩn. Xác định những vấn đề cần cải tiến, đề ra biện pháp giải quyết.

- Lên kế hoạch hành động để cải tiến nâng cao chất lượng nghề nghiệp

Kế hoạch hành động của trường để tiếp tục duy trì các mặt mạnh và có biện pháp cải tiến hoặc khắc phục các mặt yếu. Kế hoạch hành động của nhà trường phải thể hiện quyết tâm cải tiến chất lượng trong các lĩnh vực còn có những tồn tại, yếu kém.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Xác định mục đích, phạm vi, quy trình tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số 28/2017/TT-LĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

- Thu thập thông tin, minh chứng.

- Xử lý phân tích các thông tin, minh chứng thu thập được.

- Đánh giá mức độ đơn vị, trường đã đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá.

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá trường.

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng của trường.

3. Tự đánh giá

STT	Điều kiện	Kết quả đánh giá (Đạt/Không đạt)	Thuyết minh đánh giá
1	Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Đạt	Căn cứ Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục hàng năm của nhà trường

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	100	97
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	12
	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.		
	Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	1
	Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	1
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	17	17
	Tiêu chuẩn 2.1. Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.2. Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.3. Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.4. Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.5. Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 2.6. Trường tổ chức thực hiện theo kế	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.		
	Tiêu chuẩn 2.7. Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.8. Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.9. Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.10. Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.11. Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.12. Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.13. Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.14. Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.15. Hằng năm, trường thực hiện rà soát	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.		
	Tiêu chuẩn 2.16. Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2.17. Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	1
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	14
	Tiêu chuẩn 3.1. Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.2. Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.3. Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.4. Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.5. Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	0
	Tiêu chuẩn 3.6. Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.7. Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.		
	Tiêu chuẩn 3.8. Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.9. Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.10. Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.11. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.12. Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.13. Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao	1	1
	Tiêu chuẩn 3.14. Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	1
	Tiêu chuẩn 3.15. Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	1
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	15	15
	Tiêu chuẩn 4.1. Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.2. 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.3. Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 4.4. Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.5. Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.6. Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.7. Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.8. Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.9. Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.10. Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.11. 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.12. Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Tiêu chuẩn 4.13. Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.14. Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 4.15. Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	1
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	14
	Tiêu chuẩn 5.1. Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.2. Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.3. Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.4. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió;	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 5.5. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.6. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.7. Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.8. Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.9. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.10. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.11. Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.12. Trường có định mức tiêu hao vật tư	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.		
	Tiêu chuẩn 5.13. Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	0
	Tiêu chuẩn 5.14. Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 5.15. Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	1
6	Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	5
	Tiêu chuẩn 6.1. Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 6.2. Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	1
	Tiêu chuẩn 6.3. Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Tiêu chuẩn 6.4. Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	1
	Tiêu chuẩn 6.5. Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
7	Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 7.1. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.2. Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.3. Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.4. Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.5. Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7.6. Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	1
8	Tiêu chí 8 - Dịch vụ người học	9	8
	Tiêu chuẩn 8.1. Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Tiêu chuẩn 8.2. Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.3. Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.4. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.5. Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	0
	Tiêu chuẩn 8.6. Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.7. Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 8.8. Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp	1	1
	Tiêu chuẩn 8.9. Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	1
9	Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng	6	6
	Tiêu chuẩn 9.1. Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.2. Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Tiêu chuẩn 9.3. Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.4. Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và đánh giá chất lượng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.5. Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 9.6. Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	1

II - TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

* Số lượng chương trình đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng: 07

* Số lượng chương trình đào tạo tự đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng: 07

1. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học nghề: Cắt gọt kim loại

1) Tổng số điểm tự đánh giá chất lượng: 92

2) Tự đánh giá chất lượng: (Đạt) tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề/ngành Cắt gọt kim loại trình độ Cao đẳng

- Số lượng môn học, mô đun: 31

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2850 giờ

- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 435 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2415 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 752 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1972 giờ;

Kiểm tra, thi: 126 giờ.

Phương thức đào tạo đang được áp dụng là đào tạo tích lũy mô đun kết hợp với môn học. Hình thức đào tạo chính quy tập trung tại trường. Với phương thức này các nhà giáo có thể truyền thụ kiến thức, kỹ năng cho người học một cách trực tiếp, vì vậy người học có thể tiếp thu kiến thức, kỹ năng tốt hơn.

1.1. Nội dung chương trình đào tạo

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Số đầu điểm thi/ kiểm tra
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ kiểm tra	
I	Các môn học chung	29	435	157	255	23	20
MH01	Chính trị	5	75	41	29	5	4
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2	2
MH03	Giáo dục thể chất	4	60	5	51	4	3
MH04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75	36	35	4	4
MH05	Tin học	5	75	15	58	2	3
MH06	Tiếng Anh	8	120	42	72	6	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn						
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	26	465	250	183	32	33
MĐ 07	An toàn lao động	1	30	10	18	2	3
MĐ 08	Kỹ năng mềm	1	30	10	18	2	2
MH 09	Vẽ kỹ thuật	3	45	25	17	3	4
MH 10	Vật liệu học	2	30	20	8	2	3
MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	20	8	2	3
MH 12	Nguyên lý cắt	2	30	18	10	2	3
MH 13	Điện kỹ thuật	3	45	30	12	3	3
MH 14	Công nghệ chế tạo máy	5	75	59	12	4	5
MH 15	Đồ gá	3	45	30	12	3	3
MĐ 16	Autocad	2	60	20	37	3	2
MĐ 17	Nguội cơ bản	2	45	8	31	6	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	57	1950	345	1534	71	48
MĐ 18	Tiện trụ ngoài	4	120	30	85	5	4
MĐ 19	Phay, Bào mặt phẳng	4	120	25	90	5	4
MĐ 20	Tiện lỗ	2	60	15	42	3	2
MĐ 21	Phay, bào mặt Bậc - Rãnh	5	150	30	115	5	5
MĐ 22	Tiện côn	2	70	20	47	3	2
MĐ 23	Vẽ thiết kế cơ khí 3D (CAD/CAM)	2	60	20	35	5	2
MĐ 24	Phay CNC	5	150	30	115	5	5
MĐ 25	Tiện ren tam giác	3	100	25	72	3	3
MĐ 26	Tiện CNC	5	150	30	115	5	5
MĐ 27	Tiện nâng cao	4	120	25	90	5	4

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Số đầu điểm thi/ kiểm tra
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ kiểm tra	
MĐ 28	Phay nâng cao	4	120	25	90	5	4
MĐ 29	Gia công tia lửa điện	1	30	10	18	2	2
MĐ 30	Trải nghiệm và thực tập doanh nghiệp	7	300	30	260	10	3
MĐ 31	Thực tập tốt nghiệp	9	400	30	360	10	3
Tổng cộng		112	2850	752	1972	126	101

1.2. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp

Stt	Khóa học	Số lượng tuyển sinh		GV chủ nhiệm	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp (%)
		Lớp	Sĩ số		
1	Năm 2021	CD43CG	18	Vũ Trần Minh	100%
2	Năm 2022	CD44CG	15	Nguyễn Thị Thanh Hảo	100%
3	Năm 2023	CD45CG	18	Nguyễn Văn Lợi	100%
Cộng					

1.3. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	92	Đạt tiêu chuẩn
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	06	06	Đạt tiêu chuẩn kiểm định
	<i>Tiêu chuẩn 1:</i> Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 2:</i> Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.			
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	14	12	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	0	Không đạt
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
...	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2	Đạt
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	14	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các môn, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	0	Không đạt
	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	<i>Tiêu chuẩn 7:</i> 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 8:</i> Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2	Đạt
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	22	Đạt tiêu chuẩn
	<i>Tiêu chuẩn 1:</i> Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 2:</i> Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 3:</i> Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 4:</i> Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 5:</i> Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 6:</i> Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	0	Không đạt
	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2	Đạt
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	14	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	0	Không đạt
	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2	Đạt
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.			
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2	Đạt
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.			
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2	Đạt

2. Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề: Cơ điện tử

Trình độ: Cao đẳng

- 1) Tổng số điểm tự đánh giá chất lượng: 94
- 2) Tự đánh giá chất lượng: (*Đạt*) tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề/ngành Cơ điện tử trình độ Cao đẳng
- 3) Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	94	Đạt tiêu chuẩn
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	06	06	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 1:</i> Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 2:</i> Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 3:</i> Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	14	12	Đạt tiêu chuẩn
	<i>Tiêu chuẩn 1:</i> Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	0	Không đạt
	<i>Tiêu chuẩn 2:</i> Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 3:</i> Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.			
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2	Đạt
...	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2	Đạt
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các môn-đơn, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2	Đạt
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	22	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	0	Không đạt
	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	14	Đạt tiêu chuẩn
	<i>Tiêu chuẩn 1:</i> Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 2:</i> Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 3:</i> Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 4:</i> Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 5:</i> Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 6:</i> Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	0	Không đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2	Đạt
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2	Đạt
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.			
	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2	Đạt

3. Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề: Điện công nghiệp

Trình độ: Cao đẳng

- 1) Tổng số điểm tự đánh giá chất lượng: 94
- 2) Tự đánh giá chất lượng: (Đạt) tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề/ngành Cơ điện tử trình độ Cao đẳng
- 3) Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	96	Đạt tiêu chuẩn
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	06	06	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.			
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	14	14	Đạt tiêu chuẩn
	<i>Tiêu chuẩn 1:</i> Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 2:</i> Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 3:</i> Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 4:</i> Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2	Đạt
...	<i>Tiêu chuẩn 5:</i> Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 6:</i> Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định;	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.			
	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2	Đạt
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	22	Đạt tiêu chuẩn
	<i>Tiêu chuẩn 1:</i> Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 2:</i> Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 3:</i> Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 4:</i> Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 5:</i> Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 6:</i> Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 7:</i> Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 8:</i> Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.			
	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	0	Không đạt
	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2	Đạt
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	14	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng,	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.			
	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	0	Không đạt
	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2	Đạt
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.			
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2	Đạt
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.			
	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2	Đạt

4. Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề: Điện tử công nghiệp
Trình độ: Cao đẳng

1) Tổng số điểm tự đánh giá chất lượng: 96

2) Tự đánh giá chất lượng: (Đạt) tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề/ngành Điện tử công nghiệp trình độ Cao đẳng

Chương trình

Mã MH,	Tên môn học, mô đun	Số tín	Thời gian đào tạo (giờ)	Số đầu
--------	---------------------	--------	-------------------------	--------

MĐ		chỉ	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra	điểm thi/kiểm tra
I	Các môn học chung	29	435	157	255	23	
MH01	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75	36	35	4	
MH02	Tin học	5	75	15	58	2	
MH03	Giáo dục thể chất	4	60	5	51	4	
MH04	Pháp luật	2	30	18	10	2	
MH05	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5	
MH06	Tiếng Anh	8	120	42	72	6	
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề	75	2415	596	1665	154	101
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	22	600	210	344	46	31
MĐ07	An toàn lao động	1	30	10	18	2	3
MĐ08	Kỹ năng mềm	1	30	10	18	2	2
MH09	Cơ sở KT điện	4	60	27	30	3	3
MĐ10	Linh kiện điện tử	2	60	19	36	5	3
MĐ11	Đo lường điện-điện tử	2	60	20	33	7	3
MĐ12	Kỹ thuật mạch điện tử 1	3	90	31	53	6	4
MĐ13	Điện cơ bản	2	60	21	34	5	3
MĐ14	Kỹ thuật mạch điện tử 2	2	60	21	34	5	3
MĐ15	Kỹ thuật xung - số	3	90	33	51	6	4
MĐ16	Lập trình C cơ bản	2	60	18	37	5	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	53	1815	386	1321	108	70
MĐ17	Máy điện	2	60	27	28	5	3
MĐ18	Trang bị điện	2	60	15	39	6	4
MĐ19	Thiết kế mạch in	3	80	20	52	8	4
MĐ20	Chế tạo mạch in	2	60	12	43	5	3
MĐ21	Điện tử công suất	2	60	20	35	5	4
MĐ22	Kỹ thuật cảm biến	3	90	31	53	6	4

MĐ23	Lập trình vi điều khiển	3	90	21	58	11	4
MĐ24	Điều khiển lập trình cỡ nhỏ	2	60	20	35	5	3
MĐ25	PLC cơ bản	3	90	31	53	6	4
MĐ26	Điện tử nâng cao	2	60	20	35	5	3
MĐ27	Chuyên đề 1	3	90	27	57	6	4
MĐ28	Chuyên đề 2	2	60	21	34	5	3
MĐ29	Mạng truyền thông công nghiệp	2	60	21	34	5	3
MĐ30	Rô bốt công nghiệp	2	75	26	44	5	3
MĐ31	Hệ thống SX linh hoạt	2	60	21	34	5	3
MĐ32	Chuyên đề 3	2	60	19	36	5	3
MĐ33	Trải nghiệm và thực tập doanh nghiệp	7	300	17	278	5	5
MĐ34	Thực tập tốt nghiệp	9	400	17	373	10	10
	Tổng cộng	104	2850	753	1920	177	101

3) Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	96	Đạt tiêu chuẩn
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	06	06	Đạt tiêu chuẩn
	<i>Tiêu chuẩn 1:</i> Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 2:</i> Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 3:</i> Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.			
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	14	14	Đạt tiêu chuẩn
	<i>Tiêu chuẩn 1:</i> Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2	
	<i>Tiêu chuẩn 2:</i> Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 3:</i> Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 4:</i> Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2	Đạt
...	<i>Tiêu chuẩn 5:</i> Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 6:</i> Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.			
	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2	Đạt
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các môn, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	22	Đạt tiêu chuẩn
	<i>Tiêu chuẩn 1:</i> Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 2:</i> Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 3:</i> Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 4:</i> Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 5:</i> Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 6:</i> Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 7:</i> Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 8:</i> Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.			
	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	0	Không đạt
	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2	Đạt
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	14	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng,	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.			
	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	0	Không đạt
	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2	Đạt
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.			
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2	Đạt
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.			
	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2	Đạt

5. Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề: Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí

Trình độ: Cao đẳng

- 1) Tổng số điểm tự đánh giá chất lượng: 96
- 2) Tự đánh giá chất lượng: (Đạt) tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề/ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ Cao đẳng
- 3) Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	96	Đạt tiêu chuẩn

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	06	06	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 1:</i> Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 2:</i> Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 3:</i> Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	14	14	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 1:</i> Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 2:</i> Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 3:</i> Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.			
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2	Đạt
...	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2	Đạt
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các môn, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2	Đạt
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	22	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	0	Không đạt
	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	14	Đạt tiêu chuẩn
	<i>Tiêu chuẩn 1:</i> Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 2:</i> Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 3:</i> Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 4:</i> Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 5:</i> Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 6:</i> Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	0	Không đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2	Đạt
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2	Đạt
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.			
	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2	Đạt

6. Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề: Công nghệ ô tô

Trình độ: Cao đẳng

1) Tổng số điểm tự đánh giá chất lượng: 96

2) Tự đánh giá chất lượng: (*Đạt*) tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề/ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ Cao đẳng

Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	96	Đạt tiêu chuẩn
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	06	06	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.			
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	14	14	Đạt tiêu chuẩn
	<i>Tiêu chuẩn 1:</i> Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 2:</i> Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 3:</i> Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 4:</i> Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2	Đạt
...	<i>Tiêu chuẩn 5:</i> Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 6:</i> Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.			
	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2	Đạt
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	22	Đạt tiêu chuẩn
	<i>Tiêu chuẩn 1:</i> Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 2:</i> Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 3:</i> Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 4:</i> Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 5:</i> Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 6:</i> Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 7:</i> Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 8:</i> Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.			
	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	0	Không đạt
	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2	Đạt
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	14	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng,	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.			
	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	0	Không đạt
	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2	Đạt
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.			
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2	Đạt
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.			
	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2	Đạt

7. Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề: Thiết kế đồ họa

Trình độ: Cao đẳng

1) Tổng số điểm tự đánh giá chất lượng: 94

2) Tự đánh giá chất lượng: (Đạt) tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề/ngành Thiết kế đồ họa trình độ Cao đẳng

Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	Tổng điểm	100	94	Đạt tiêu chuẩn
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	06	06	Đạt tiêu chuẩn

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	14	12	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	0	Không đạt
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	động dạy và học.			
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2	Đạt
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các môn, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.			
	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2	Đạt
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	22	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.			
	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	0	Không đạt
	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2	Đạt
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	14	Đạt tiêu chuẩn
	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.			
	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	0	Không đạt
	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	<i>Tiêu chuẩn 8:</i> Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2	Đạt
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8	Đạt tiêu chuẩn
	<i>Tiêu chuẩn 1:</i> Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 2:</i> Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 3:</i> Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	<i>Tiêu chuẩn 4:</i> Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2	Đạt
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16	Đạt tiêu chuẩn
	<i>Tiêu chuẩn 1:</i> Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của	2	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tự đánh giá về chương trình đào tạo
	chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.			
	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người	2	2	Đạt

PHẦN III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Năm 2024, nhà trường tiến hành công tác tự đánh giá chất lượng cơ giáo dục nghề nghiệp theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và Công văn 453/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng. Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng.

Qua hoạt động tự đánh giá thường xuyên nhà trường sẽ có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp với từng giai đoạn phát triển; nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp của nhà trường; gắn kết mọi hoạt động của nhà trường thành một khối thống nhất, đồng bộ, chuyên nghiệp và phát triển. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2025 nhà trường trở thành:

* Trung tâm đào tạo nghề đạt trình độ các nước ASEAN-4, một số nghề đạt chuẩn quốc tế.

* Trường chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

2. Kiến nghị.

Mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Cơ quan quản lý nhà nước cần có các văn bản hướng dẫn cụ thể về công tác đánh giá cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Cần có các cơ chế, chính sách hỗ trợ hơn nữa hoặc tăng cường nguồn lực về cơ sở vật chất, thiết bị cho những cơ sở đạt chất lượng kiểm định.

Thường xuyên rà soát, điều chỉnh lại nội dung của một số tiêu chuẩn để việc đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp hơn từng thời kỳ, từng giai đoạn.

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2024

HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

CHỦ TỊCH



Phạm Thị Hương